

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUNG NGUYỄN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 01 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYỄN, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hải;

2. Ông Trần Văn Dũng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Oanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Giang - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị LTQ; Sinh năm 1986; Nơi ở hiện nay: Xóm X, xã B, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**Bị đơn:** Anh NDN; Sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm X, xã B, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội X, phân trại X Trại giam số X Bộ công an, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 31 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn chị LTQ trình bày:*

Chị LTQ và anh NDN kết hôn với nhau ngày 10 tháng 10 năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, trái nhau về quan điểm sống. Anh N hiện đang chấp hành bản án 15 năm tù, hiện đã chấp hành được hơn 7 năm. Trong 07 năm qua một mình Chị Q nuôi hai con nhỏ, gánh vác việc gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị LTQ viết đơn xin ly hôn với anh NDN để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là NTH; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 và NTN; sinh ngày 21 tháng 01 năm 2012, nay ly hôn chị LTQ mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị Q không yêu cầu anh NDN cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và các khoản nợ: Chị LTQ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 12 năm 2022 Bị đơn anh NDN trình bày: Về tình cảm vợ chồng, ngày tháng năm đăng ký kết hôn, điều kiện đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng đúng như Chị Q trình bày. Nay Chị Q yêu cầu ly hôn thì Anh N đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là NTH; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 và NTN; sinh ngày 21 tháng 01 năm 2012; nay ly hôn do điều kiện Anh N đang chấp hành án tại trại giam, không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung được nên Anh N nhường quyền nuôi dưỡng cả hai con chung cho chị Q. Về tài sản và các khoản nợ: anh NDN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do các bên không hòa giải được, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị LTQ được ly hôn anh NDN, Về con chung: đề nghị giao con chung là NTH; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 và NTN; sinh ngày 21 tháng 01 năm 2012 cho chị

LTQ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh NDN. Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh NDN cư trú tại Xóm X, xã B, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản cho bị đơn là anh NDN nhưng Anh Không có yêu cầu phản tố, không tham gia các buổi hòa giải được Tòa án triệu tập và có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án do Anh Đang chấp hành án tại phân trại X, trại giam số X, Bộ công an thuộc xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị LTQ và anh NDN có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của chị Quyên, Anh Nvà qua kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của chị LTQ và anh NDN đã đến mức trầm trọng, thời gian vợ chồng không sống cùng nhau đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của Chị Q được ly hôn anh NDN như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

[3]. *Về con chung*: Chị LTQ và anh NDN có hai con chung là NTH; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 và NTN; sinh ngày 21 tháng 01 năm 2012.

Chị Q mong muốn được nuôi dưỡng hai con chung, Anh N đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị Q .

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của Chị Q là chính đáng. Hiện tại, hai cháu NTH và NTN đang ở với mẹ và có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đều đang ổn định, đảm bảo. Vì vậy, Tòa án giao con chung là NTH và NTN cho chị LTQ tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự, nguyện vọng của các con chung và như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị LTQ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh NDN.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ*: chị LTQ và anh NDN không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyên đơn chị LTQ phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử:

*Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị LTQ được ly hôn với anh NDN.

*Về con chung*: Giao con chung là NTH; sinh ngày 17 tháng 8 năm 2010 và NTN; sinh ngày 21 tháng 01 năm 2012 cho chị LTQ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh NDN.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

*Về án phí:* Buộc chị LTQ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0003976 ngày 31 tháng 10 năm 2022 (chị LTQ đã nộp đủ).

*Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Đường sự;
- UBND xã Hương Long, huyện Hương Khê;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phan Hương**